

Số: *431* /BC-UBND

Hà Đông, ngày *15* tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả công tác Cải cách hành chính;
cải thiện, nâng cao Chỉ số SIPAS 9 tháng năm 2021
của UBND quận Hà Đông**

Kính gửi: Sở Nội vụ thành phố Hà Nội.

Thực hiện Quyết định số 5743/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 về việc ban hành Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2021 của thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan, đơn vị; cải thiện, nâng cao chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính (SIPAS) năm 2021 của UBND Thành phố; Văn bản số 2562/SNV-CCHC ngày 10/9/2021 của Sở Nội vụ Hà Nội về việc rà soát, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC quý III/2021, UBND quận Hà Đông báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) và kết quả cải thiện, nâng cao chỉ số SIPAS 9 tháng đầu năm 2021 như sau:

A. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

I. Kết quả thực hiện (Phụ lục 1, 2 gửi kèm)

1. Công tác ban hành Văn bản chỉ đạo điều hành

Ngày 19/01/2021, UBND quận Hà Đông ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND về công tác CCHC nhà nước năm 2021 của quận. Trong đó, xác định rõ trong Kế hoạch là các chỉ tiêu bám sát Kế hoạch năm của Thành phố, là các nhiệm vụ gắn liền với Chủ đề công tác năm “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, đổi mới và phát triển” và phù hợp Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận năm 2021, ưu tiên, tập trung xây dựng, triển khai các nhiệm vụ CCHC của Thành phố, quận giao trong giai đoạn 2021-2025; cải thiện, nâng cao các Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính các cơ quan nhà nước của quận (SIPAS).

Kịp thời ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 của quận. Theo đó, xác định trọng tâm CCHC của quận trong 5 năm tới là “*Tiếp tục cải cách TTHC và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số*”, theo phương châm 05 dễ “*dễ hiểu, dễ nhớ, dễ làm, dễ đánh giá, dễ kiểm tra, dễ giám sát*”. Kế hoạch đã cụ thể hóa các quan điểm, định hướng về CCHC của Thành phố, Quận ủy, đưa ra các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và phân công rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị thuộc quận phải tổ chức triển khai thực hiện, hoàn

thành các yêu cầu của chương trình, kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2025 được quận đặt ra.

Ban hành các Kế hoạch để cải thiện, nâng cao Chỉ số PAPI, SIPAS năm 2021; ban hành Kế hoạch cải thiện Chỉ số SIPAS giai đoạn 2021-2025, hiện đang dự thảo Kế hoạch cải thiện Chỉ số PAPI giai đoạn 2021-2025, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu CCHC là phần đầu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết TTHC của quận đạt tối thiểu 85%, Chỉ số PAR-INDEX năm 2021 của quận thuộc nhóm 10 Thành phố.

2. Công tác kiểm tra

Ngay từ đầu năm, UBND quận đã ban hành Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 02/02/2021 về kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC năm 2021; Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 30/01/2021 về thành lập Đoàn kiểm tra công vụ quận. Đoàn Kiểm tra công vụ của quận đã tiến hành kiểm tra công vụ đột xuất tại 17/17 phường. Qua kiểm tra đã trực tiếp nhắc nhở, đề nghị các phường khắc phục những tồn tại, hạn chế trong kỷ luật, kỷ cương hành chính và trong giải quyết TTHC liên quan đến người dân, tổ chức.

Kết quả kiểm tra cho thấy, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/02/2021 của UBND Thành phố về tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội. Việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ hành chính của công dân, tổ chức được duy trì ổn định ngay trong làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ tết Nguyên đán. Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan, đơn vị chấp hành nghiêm thời gian làm việc và thực hiện đúng chỉ đạo của UBND quận trong thời gian phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, hoạt động kiểm tra CCHC của quận được tiến hành qua theo dõi, nắm bắt thông tin qua các báo cáo kết quả kiểm tra của các cơ quan, đơn vị và qua các phương tiện thông tin đại chúng, các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức. Nếu thấy cần làm rõ, Đoàn kiểm tra CCHC của quận sẽ trực tiếp kiểm tra tại cơ quan, đơn vị cần xác minh, làm rõ.

3. Công tác thông tin tuyên truyền

Để đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ đề công tác năm của Thành phố “Kỷ cương, trách nhiệm, hành động, sáng tạo và phát triển”, tuyên truyền CCHC của quận trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt chú trọng đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền, nhất là kênh thông tin môi trường mạng, UBND quận ban hành Kế hoạch số 158/KH-UBND ngày 06/5/2021 về thông tin, tuyên truyền CCHC năm 2021; Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 23/6/2021 về thông tin, tuyên truyền CCHC nhà nước của quận giai đoạn 2021-2025.

UBND quận và các phường trực thuộc đã chủ động xây dựng nội dung tuyên truyền CCHC với nhiều hình thức đa dạng. Chín tháng đầu năm, quận đã tổ chức tuyên truyền CCHC qua 36 tin bài, ảnh trên Cổng thông tin điện tử quận; 459 tin bài, ảnh trên hệ thống truyền thanh các phường; 46 tin bài, ảnh

trên các trang Mạng xã hội từ quận đến phường; tuyên truyền cổ động trực quan qua 10 khẩu hiệu treo tại các vị trí trung tâm quận; Bản tin CCHC của Chính phủ định kỳ hàng tuần được gửi qua địa chỉ hộp thư điện tử công vụ của các đồng chí cán bộ, công chức phụ trách công tác CCHC của các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường thuộc quận.

4. Cải cách thể chế

4.1. Rà soát, hệ thống hóa Văn bản quy phạm pháp luật

Ngay từ đầu năm, UBND quận Hà Đông đã ban hành, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 13/01/2021 về trọng tâm công tác tư pháp và Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 11/01/2021 về công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn quận năm 2021.

Trong thời kỳ từ tháng 11/2020 đến tháng 9/2021, quận Hà Đông đã rà soát 25 văn bản QPPL do HĐND, UBND quận ban hành. Kết quả kiểm tra, rà soát cho thấy có 06 văn bản QPPL do UBND quận ban hành được sửa đổi, bổ sung; 01 văn bản của UBND quận ban hành mới; 03 văn bản của HĐND quận ban hành hết hiệu lực thi hành. Đến thời điểm hiện tại, tổng số văn bản QPPL do HĐND, UBND quận ban hành hiện đang còn hiệu lực là: 22 văn bản, gồm 01 Nghị quyết của HĐND, 21 Quyết định của UBND quận.

HĐND quận, HĐND và UBND phường không ban hành mới văn bản QPPL nào; không có văn bản QPPL nào ban hành trái pháp luật, bị xử lý theo quy định.

4.2. Về việc thực hiện ủy quyền ký chứng thực cho công chức Tư pháp – Hộ tịch phường

Triển khai thực hiện các quy định về thí điểm thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại phố Hà Nội, UBND quận Hà Đông đã ban hành Văn số 1173/UBND-NV ngày 29/4/2021 về việc thực hiện Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/03/2021 của Chính phủ quy định về việc ủy quyền chứng thực cho công chức Tư pháp - Hộ tịch phường.

UBND các phường trên địa bàn quận đã triển khai thực hiện, ban hành Quyết định ủy quyền và Thông báo giới thiệu mẫu chữ ký, mẫu con dấu gửi UBND quận và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan. Đến nay, đã có 13/17 phường (đạt 76.5%) thực hiện việc ủy quyền chứng thực.

Việc chứng thực theo ủy quyền được các phường thực hiện đến nay đã đi vào nề nếp và không phát sinh khó khăn, vướng mắc. Quy trình thực hiện các thủ tục hành chính về chứng thực linh hoạt, nhanh gọn, giảm bớt thời gian thực hiện, giảm bớt người thực hiện nên tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí thực hiện do đó nhận được đánh giá tốt từ nhân dân.

4. Thực hiện giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND quận tiếp tục duy trì hoạt động thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC quận và các phường theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của UBND

thành phố Hà Nội; thực hiện tiếp nhận và vận hành Công dịch vụ công cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 trên nền tảng thống nhất đồng bộ toàn Thành phố qua địa chỉ <https://dichvucong.hanoi.gov.vn>; thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn quận.

Chín tháng đầu năm 2021, quận đã 07 lần rà soát, công khai TTHC (Thông báo 22/TB-UBND ngày 29/01/2021, số 46/TB-UBND ngày 27/02/2021, số 103/TB-UBND ngày 29/4/2021, số 110/TB-UBND ngày 15/5/2021, số 215/TB-UBND ngày 29/6/2021, số 238/TB-UBND ngày 06/8/2021, số 245/TB-UBND ngày 31/8/2021); duy trì thực hiện việc niêm yết công khai đầy đủ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền và quy trình giải quyết theo 02 hình thức (trên bảng gắn tường đặt tại trụ sở bộ phận Một cửa và trên Cổng thông tin điện tử) theo hướng dẫn tại Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ. Tính đến thời điểm báo cáo, tổng số TTHC như sau:

- Thẩm quyền quận: Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo các Quyết định công bố của UBND thành phố Hà Nội là 296 TTHC, UBND quận Hà Đông đang thực hiện trên địa bàn quận là 271 TTHC (trong đó có 08 TTHC do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội quận Hà Đông thực hiện), 25 TTHC không thực hiện.

- Thẩm quyền phường: Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã theo các Quyết định công bố của UBND thành phố Hà Nội là 169 TTHC, UBND các phường trên địa bàn quận Hà Đông thực hiện tối đa 164 TTHC, số

*** Kết quả giải quyết TTHC tính (từ 01/01/2021 đến ngày 10/9/2021)**

Cấp quận:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 14662 (trong đó có 200 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang; có 9629 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến và 4833 hồ sơ nhận trực tiếp).

Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 13890; trong đó giải quyết trước và đúng hạn là 13875, đạt tỷ lệ 99,89% số hồ sơ đã giải quyết; có 15 hồ sơ trả quá hạn (Quản lý đô thị: 9 hồ sơ, Tài nguyên môi trường: 1, Kinh tế: 4, NV:1). Nguyên nhân là do lỗi phần mềm không truy cập, xử lý được; tuy nhiên, trên thực tế các hồ sơ này được trả đúng hạn cho công dân.

Cấp phường:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận của 17 phường là 68.897 (trong đó có 453 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang, có 15.901 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến và 52.543 hồ sơ nhận trực tiếp).

Tổng số hồ sơ đã giải quyết là 67.458; trong đó giải quyết trước và đúng hạn là 67.346 đạt tỷ lệ 99,83% số hồ sơ đã giải quyết, có 112 hồ sơ trả quá hạn thuộc các lĩnh vực: Địa chính (44), Hộ tịch (61), Chứng thực (7); chiếm tỷ lệ: 0,17% số hồ sơ đã giải quyết. Nguyên nhân do lỗi phần mềm không truy cập, xử lý được các ngày 11-12/01, 01-04/2, 01-06/3; 15/6/2021 đến 21/6/2021; 24/6/2021, 07/7/2021, 17/8/2021 (trên thực tế tất cả kết quả giải quyết hồ sơ đều được trả đúng hạn cho công dân).

3. Công tác cải cách tổ chức bộ máy

Năm 2021, UBND quận có 12 phòng chuyên môn, 04 đơn vị sự nghiệp công lập (không tính các đơn vị sự nghiệp công lập khối giáo dục), trong đó, có 03 đơn vị tự chủ, 01 đơn vị tự chủ một phần. Số lượng biên chế công chức có mặt là 130/144 được giao, số lượng cấp phó là 27 (dôi dư 03 so với quy định). Số lượng viên chức có mặt là 115/170 được giao, số lượng cấp phó là 08 (dôi dư 01 so với quy định).

Thực hiện mục tiêu tinh giản biên chế; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; góp phần tiết kiệm, giảm chi thường xuyên, cải cách chính sách tiền lương, UBND quận đã xây dựng Đề án sắp xếp, kiện toàn các phòng chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quận theo các Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, số 120/2020/NĐ-CP của Chính Phủ. Đề án đã đề ra phương án sắp xếp số lượng cấp phó dôi dư và xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể từ nay đến năm 2024. Ngày 27/8/2021, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4042/QĐ-UBND về phê duyệt phương án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố Hà Nội. Căn cứ Phương án đã được phê duyệt, UBND quận Hà Đông sẽ triển khai thực hiện đảm bảo quy định.

Thực hiện Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 12/4/2021 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, UBND quận đã ban hành Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 16/4/2021 triển khai thực hiện về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại quận Hà Đông; xây dựng Phương án số 07/PA-UBND ngày 14/5/2021 sắp xếp, bố trí cán bộ, công chức của UBND các phường khi tổ chức chính quyền đô thị tại quận.

Thực hiện Văn bản số 1696/SNV-XDCQ ngày 17/6/2021 của Sở Nội vụ thành phố về việc xử lý vướng mắc khi chuyển công chức phường thành công chức do UBND quận, thị xã quản lý, phòng đã tham mưu UBND quận ban hành Kế hoạch tổ chức, Hội đồng và Ban kiểm tra, sát hạch tiếp nhận vào công chức phường không qua thi tuyển làm việc tại UBND các phường. Quá trình tổ chức kiểm tra, sát hạch thực hiện đúng các quy định hiện hành về tuyển dụng, không có vấn đề phát sinh, không có thí sinh vi phạm quy chế. Thực hiện văn bản số 1855/SNV-XDCQ ngày 29/6/2021 của Sở Nội vụ về thỏa thuận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển, phòng đã tham mưu UBND quận ban hành 22 Quyết định tiếp nhận vào công chức cấp xã không qua thi tuyển.

Thực hiện Văn bản số 1689/SNV-XDCQ ngày 17/6/202 của Sở Nội vụ thành phố về việc bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường theo Nghị định 32/2021/NĐ-CP; Văn bản số 1881/SNV-XDCQ ngày 30/6/2021 của Sở Nội vụ chuyển công chức cấp xã phường thành công chức do UBND quận quản lý theo Nghị định 32/2021/NĐ-CP, Phòng Nội vụ đã tham mưu 46 Quyết định bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND các phường; 200 Quyết định về chuyển công chức cấp xã tại các phường thành công chức do UBND quận quản lý theo Nghị định 32/2021/NĐ-CP.

4. Công tác Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

UBND quận tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức và người lao động nghiêm túc thực hiện tốt 02 Bộ quy tắc ứng xử của Thành phố; tiếp tục thực hiện công tác đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hàng tháng; công tác đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

Chín tháng đầu năm 2021, UBND quận phối hợp với Trung tâm Chính trị quận tổ chức 18 lớp bồi dưỡng Lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ với 1478 học viên tham dự; Quyết định cử 17 công chức, viên chức tham gia lớp bồi dưỡng quản lý lãnh đạo cấp phòng, lớp tiêu chuẩn chuyên viên chính năm 2021; đăng kí tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức Dân tộc năm 2021 theo 02 nhóm đối tượng 3,4 đối với 23 học viên.

Xây dựng Kế hoạch và tổ chức 2 vòng thi tuyển viên chức giáo dục năm 2020 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và hướng của Sở Nội vụ Hà Nội; phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển, kết quả có 60 thí sinh trúng tuyển.

5. Công tác Cải cách tài chính công

5.1. Công tác giao quyền tự chủ về kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc quận năm 2021:

UBND quận tiếp tục triển khai thực hiện giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định 43/2006/NĐ-CP đối với 14/14 cơ quan hành chính nhà nước thuộc UBND quận, 04 đơn vị thuộc khối Đoàn thể, 17/17 phường và 102/102 đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó, 32 đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động, 67 đơn vị tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động, 03 đơn vị tự đảm bảo chi phí hoạt động).

Thông qua công tác kiểm tra quyết toán ngân sách năm của các đơn vị: 100% các đơn vị dự toán thuộc quận Hà Đông đã thực hiện xây dựng và công khai dự toán, báo cáo quyết toán đúng quy định; đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính nhà nước; 100% các đơn vị dự toán đã thực hiện tiết kiệm kinh phí tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

5.2. Đối với việc thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về ngân sách:

- Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với ngân sách địa phương năm 2018 và các năm trước:

+ Kiến nghị về xử lý tài chính năm 2017: 8.031.727.150 đồng. Số đã xử lý: 8.031.727.150 đồng. Số còn phải xử lý: 0 đồng.

+ Kiến nghị về xử lý tài chính năm 2018: 703.747.477.091 đồng. Số đã xử lý: 178.808.232.024 đồng. Số còn phải xử lý: 524.939.245.067 đồng. Nguyên nhân: chưa thu hồi được các khoản tạm ứng từ ngân sách để thực hiện các dự án đất dịch vụ do thành phố Hà Nội đang có chỉ đạo tạm dừng giao đất dịch vụ cho dân nên chưa thu được tiền hạ tầng để hoàn trả ngân sách.

- Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đối với ngân sách thành phố Hà Nội năm 2019.

+ Tổng số kiến nghị của quận Hà Đông: 468.664.988.250 đồng.

+ Số đã xử lý: 468.664.988.250 đồng. Số còn phải xử lý: 0 đồng.

5.3. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tài chính, quyết toán và dự toán ngân sách các cấp:

UBND quận, UBND các phường thực hiện công khai theo đúng các quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. Cụ thể như sau:

- UBND quận đã có Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 11/01/2021 về việc công khai dự toán ngân sách năm 2021.

Đối với công khai quyết toán năm 2020: do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và đang trong thời gian thực hiện giãn cách theo chỉ thị 16 của Chính phủ nên phiên họp thứ 2 của HĐND quận khoá XXI thông qua quyết toán thu chi ngân sách quận năm 2021 đang tạm hoãn nên việc quyết toán ngân sách năm 2020 chưa được HĐND quận thông qua.

- 17/17 phường đã thực hiện công khai dự toán năm 2021, quyết toán ngân sách năm 2020 theo đúng quy định.

- Đối với các đơn vị dự toán: 117/117 đơn vị thực hiện công khai theo đúng các quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính.

6. Hiện đại hóa hành chính

UBND quận và UBND các phường tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác CCHC, kiểm soát TTHC:100% cán bộ, công chức, viên chức cấp quận và phường khai thác, sử dụng hộp thư điện tử công vụ trao đổi thông tin trong công việc; 100% các đơn vị triển khai đồng bộ hệ thống “Một cửa” điện tử dùng chung 3 cấp kết nối hệ thống dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thống nhất toàn Thành phố; đảm bảo duy trì, vận hành ổn định phòng máy chủ tại UBND quận; bổ sung thiết bị mạng đảm bảo an ninh bảo mật, có tính dự phòng khi có sự cố; đảm bảo đường truyền mạng WAN kết nối với Thành phố hoạt động ổn định 24/24h phục vụ các cuộc họp giao ban trực tuyến với Thành phố; duy trì đường truyền mạng Internet phục vụ nhu cầu tác nghiệp của cán bộ, công chức tại quận; tiếp tục sử dụng các phần mềm: phần mềm quản lý hồ sơ một cửa; phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc; phần mềm quản lý đơn thư, khiếu nại tố cáo; phần mềm quản lý nhân sự; phần mềm Một cửa điện tử dùng chung ba cấp Thành phố; duy trì hiệu quả Cổng thông tin điện tử quận và Trang thông tin điện tử các phường.

Từ tháng 5/2021, bộ phận Một cửa quận và các phường đã chính thức triển khai áp dụng biên lai điện tử thu phí, lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các dịch vụ công giải quyết TTHC.

Thực hiện duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; ban hành ban hành Quyết định số 4696/QĐ-UBND về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Các TTHC đều được xây dựng quy trình giải quyết theo quy định (trong quy trình đã phân công cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân khi xử lý hồ sơ và quy định thời gian xử lý hồ sơ cho từng bộ phận, cá nhân), khi có sự thay đổi về cơ sở pháp lý, thời gian giải quyết... các phòng chuyên môn thuộc quận đều chủ động báo cáo, xây dựng lại quy trình giải quyết TTHC đảm bảo theo đúng quy định. UBND 17 phường đã thực hiện công bố Hệ thống quản lý chất lượng của đơn vị phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định, tỷ lệ đạt 100%.

II. Nhận xét, đánh giá

1. Ưu điểm

- Công tác CCHC tiếp tục được Quận uỷ, HĐND, UBND quận Hà Đông xác định là nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo; UBND quận không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng quyết liệt, rõ trách nhiệm.

- Bộ máy hành chính của quận tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao được vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý.

- Cơ chế một cửa, một cửa liên thông được hoạt động hiệu quả, nhịp nhàng, vì vậy hạn chế được tình trạng chậm, muộn hồ sơ. Các dịch vụ công mức 3,4 được thực hiện tại quận thực sự mang lại hiệu quả cho công dân khi công dân có thể đăng nhập hồ sơ tại nhà và chỉ đến quận 1 lần để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Vừa tiết kiệm chi phí cho công dân, vừa giảm áp lực cho cán bộ, công chức khi thực thi nhiệm vụ.

- Chủ động rà soát, hoàn thiện quy trình đưa TTHC ra thực hiện tại bộ phận Một cửa. Trong đó, rút ngắn được tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Chỉ những thủ tục yêu cầu giải quyết ngay, không thể rút ngắn thời gian giải quyết mới không rút ngắn để tránh gây mất nhiều thời gian của công dân mà vẫn đạt được hiệu quả trong việc giải quyết thủ tục.

2. Tồn tại, hạn chế

Phần mềm Một cửa dùng dung 3 cấp thường xuyên bị lỗi, quá trình gửi hồ sơ sang cơ quan bảo hiểm bị lỗi phong chữ, lệch ngày sinh; không kết nối đc với phần mềm Bộ Tư pháp để lấy mã số định danh khiến cho hồ sơ bị tạm dừng hoặc bị báo quá hạn.

3. Kiến nghị, đề xuất với Thành phố

- Đề nghị sớm hoàn thiện, phê duyệt khung kiến trúc Chính phủ điện tử phiên bản 2.0 từ đó có hướng dẫn cụ thể, chi tiết bộ tiêu chí thành phần Chính quyền điện tử để các đơn vị trong Thành phố căn cứ triển khai thực hiện.

- Đề nghị sớm triển khai các CSDL nền tảng chuyên ngành dùng chung trên phạm vi toàn Thành phố.

- Đề nghị sớm có hướng dẫn chi tiết về phương án triển khai số hóa dữ liệu kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống phần mềm Một cửa điện tử dùng chung ba cấp.

- Đề nghị sớm ban hành Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết các TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung; kịp thời xây dựng, cập nhật quy trình điện tử trên phần mềm Một cửa điện tử dùng chung, làm cơ sở để UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện tại đơn vị.

* Kiến nghị về phần mềm một cửa điện tử dùng chung ba cấp Thành phố: đề nghị UBND Thành phố chỉ đạo có phương án xử lý, duy trì vận hành ổn định phần mềm để không bị tình trạng gián đoạn như trong thời gian vừa qua

B. CẢI THIỆN CHỈ SỐ SIPAS (theo Phụ lục 3 gửi kèm)

C. NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM 2021

1. Trên cơ sở bám sát Đề án, Kế hoạch về CCHC của Thành phố và các Sở để triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch CCHC.

2. Duy trì hoạt động hiệu quả của Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC quận và các phường.

3. Tiếp tục thực hiện đánh giá hàng tháng chất lượng công việc đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quận.

4. Tiếp tục thực hiện kiểm tra công vụ định kỳ, đột xuất tại các phòng chuyên môn và UBND các phường.

5. Triển khai khảo sát, lấy ý kiến người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính thuộc quận.

6. Triển khai đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC đối với các phòng chuyên môn và UBND các phường.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC 9 tháng năm 2021 của UBND quận Hà Đông, báo cáo UBND thành phố và Sở Nội vụ Hà Nội. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT QU, HĐND quận;
- CT, các PCT UBND quận;
- Các phòng CM;
- UBND các phường;
- Trung tâm VHNTTTT quận;
- Lưu: VT, NV

7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Hòa

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021 CỦA UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
(Kèm theo Báo cáo số 431 /BC-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của UBND quận Hà Đông)

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC):			
1	Về Kế hoạch CCHC:			
-	Ban hành Kế hoạch CCHC	Có	Kế hoạch	Kế hoạch số 29/KH-UBND ngày 19/01/2021
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	31	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	21	Nhiệm vụ/đơn vị	Các nhiệm vụ chưa hoàn thành do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa triển khai được
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	67,7419355	%	
2	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành, bồi dưỡng công tác CCHC:			
-	Số lượng các văn bản chỉ đạo, điều hành, bồi dưỡng công tác CCHC:	63	Văn bản	01 Chương trình; 19 Kế hoạch; 07 Quyết định; 28 Công văn; 08 Thông báo
-	Tổ chức các hội nghị giao ban (chuyên đề), bồi dưỡng về công tác cải cách hành chính	4	Hội nghị (lớp)	Họp BTV Quận ủy; Họp UBND quận các phiên thường kỳ hàng tháng.
-	Số lượt người tham dự		Người	
-	Công tác thi đua, khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ CCHC:			KH số 40/KH-HĐTĐKT ngày 04/5/2021
+	Số tập thể được khen thưởng:		Tập thể	
+	Số cá nhân được khen thưởng:		Cá nhân	
3	Công tác kiểm tra cải cách hành chính:			
3,1	Kiểm tra công tác CCHC			
-	Ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC	Có	Kế hoạch	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 02/02/2021
-	Số phòng, ban, đơn vị cấp huyện trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt:	12	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số lượng các xã, phường, thị trấn trong kế hoạch kiểm tra CCHC được phê duyệt:	17	Đơn vị	
-	Số phòng, ban, đơn vị cấp huyện được kiểm tra về CCHC	0	Đơn vị	
-	Số lượng các xã, phường, thị trấn được kiểm tra về CCHC:	17	Đơn vị	Kiểm tra công vụ dịp trước, sau Tết Nguyên đán
-	Tỷ lệ các đơn vị được kiểm tra so với Kế hoạch	58,6206897	%	
-	Số vấn đề phát hiện sau kiểm tra CCHC:	2	Vấn đề	
+	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý	2	Vấn đề	
+	Tỷ lệ% so với tổng số (số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra x 100):	100	%	
+	Số CB, CC, VC được biểu dương, khen thưởng		Người	Lý do khen thưởng
+	Số CB, CC, VC bị xử lý trách nhiệm, hình thức xử lý:		Người	Lý do kỷ luật
3,2	Tình hình khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền:			
-	Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đã tiếp nhận:	0	Vụ việc	
+	Khiếu nại:		Vụ việc	
+	Tố cáo		Vụ việc	
-	Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc giải quyết TTHC đã giải quyết xong:	0	Vụ việc	
+	Khiếu nại:		Vụ việc	
+	Tố cáo:		Vụ việc	
-	Số cán bộ, công chức có sai phạm, bị xử lý trách nhiệm (nếu có):	0	Người	Nêu lý do bị xử lý, hình thức xử lý: Khiển trách, cảnh cáo.....
4	Về công tác tuyên truyền CCHC			
-	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC:	Có	Kế hoạch	KH số 158/KH-UBND ngày 06/5/2021
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện kế hoạch tuyên truyền:	29	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được hoàn thành theo kế hoạch:	29	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	100	%	
-	Số lượng hình thức tuyên truyền: (tuyên truyền trên truyền hình, báo đài, phát tờ rơi...):	6	Hình thức	Họp giao ban; Công thông tin điện tử; hệ thống Đài truyền thanh; tài liệu, sách, tranh, ảnh, pano, khẩu hiệu; tọa đàm, tiếp xúc, đối thoại; mạng xã hội

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC			
-	Tổ chức đối thoại với cá nhân, tổ chức về thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính	Có	Có thực hiện (định kỳ 6 tháng): 1 lần hoặc không thực hiện	Do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên chưa tổ chức đối thoại trực tiếp, dự kiến tổ chức khi dịch được kiểm soát
-	Số lượng sáng kiến (giải pháp mới) và áp dụng hiệu quả sáng kiến (giải pháp mới) trong triển khai công tác CCHC	3	Sáng kiến (giải pháp)	CV số 2360/UBND-NV ngày 26/7/2021.
-	Ban hành và công khai Quy trình nội bộ của huyện	Có	Công khai hoặc không công khai	Các Quyết định số: 4105/QĐ-UBND ngày 09/10/2019, 4106/QĐ-UBND ngày 09/10/2019, 4128/QĐ-UBND ngày 11/10/2019, 4135/QĐ-UBND ngày 11/10/2019, 4155/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 và 4283/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của UBND quận
-	Số UBND cấp xã ban hành và công khai Quy trình nội bộ	17	Đơn vị	Các Quyết định phê duyệt quy trình giải quyết công việc nội bộ của UBND các phường thuộc quận
6	Thực hiện các nhiệm vụ do Thành phố giao (Chương trình, Kế hoạch CCHC giai đoạn, Chương trình, Kế hoạch CCHC năm, và các nhiệm vụ trọng tâm quan trọng khác nếu có)			
-	Số nhiệm vụ được Thành phố giao	12	Nhiệm vụ	Theo các Văn bản số 96/SNV-CCHC ngày 12/01/2021, số 844/SNV-CCHC ngày 02/4/2021 và số 2562/SNV-CCHC ngày 10/9/2021 của Sở Nội vụ Hà Nội
-	Số nhiệm vụ hoàn thành	12	Nhiệm vụ	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	100	%	
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC:			
1	Cải cách thể chế			
1.1	<i>Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL trên địa bàn huyện</i>	Có	Báo cáo	
1.2	<i>Xây dựng và tổ chức thực hiện VBQPPL:</i>			

Offa

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
1.2.1	Tình hình triển khai và ban hành VBQPPL của Huyện và cấp xã			
-	Tổng số VBQPPL thuộc Huyện ban hành (nếu có):	7	Văn bản	
+	Nghị quyết của HĐND huyện		Văn bản	
+	Quyết định của UBND Huyện	7	Văn bản	
-	Tổng số VBQPPL của cấp xã ban hành (nếu có):	0		
+	Nghị quyết của HĐND cấp xã		Văn bản	
+	Quyết định của UBND cấp xã		Văn bản	
1.2.2	Rà soát VBQPPL:			
-	Triển khai rà soát, hệ thống hóa VBQPPL:	Có	Văn bản	
-	Số VBQPPL phải được rà soát trong kỳ báo cáo	25	Văn bản	
+	Được rà soát:	25	Văn bản	
+	Chưa được rà soát:	0	Văn bản	
-	Kết quả xử lý VBQPPL sau rà soát trong kỳ báo cáo:	35	Văn bản	
+	Số văn bản còn hiệu lực:	22	Văn bản	
+	Số văn bản hết hiệu lực thi hành:	3	Văn bản	
+	Số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới:	10	Văn bản	
•	Số văn bản cần ban hành mới:	1	Văn bản	
•	Số văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ	9	Văn bản	
•	Số văn bản đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	
+	Số VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát trong kỳ báo cáo:	0	Văn bản	
-	Kết quả xử lý VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát của các kỳ trước	0	Văn bản	
+	Số văn bản được đề nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới:	0	Văn bản	
•	Số văn bản cần ban hành mới:		Văn bản	
•	Số văn bản cần sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	
•	Số văn bản đề nghị cấp trên sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ		Văn bản	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số VBQPPL chưa được xử lý xong sau rà soát của các kỳ trước:	0	Văn bản	
1.2.3	<i>Theo dõi tình hình thi hành pháp luật</i>			
-	Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của cơ quan:	Có	Kế hoạch	- Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 08/01/2021 - Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 05/3/2021
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	6	Nhiệm vụ/đơn vị	
+	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	4	Nhiệm vụ/đơn vị	Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 15/02/2020 của UBND quận Hà Đông về thực hiện công tác theo dõi
+	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	66,6666667	%	
-	Kết quả tổ chức thực hiện các VBQPPL:			
+	Số VBQPPL phải triển khai thực hiện thuộc trách nhiệm của huyện theo dõi, quản lý theo quy định:	43	Văn bản	
+	Số VBQPPL thuộc trách nhiệm của huyện theo dõi, quản lý đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định:	43	Văn bản	
+	Số vấn đề phát hiện qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật	0	Vấn đề	Liệt kê các vấn đề qua theo dõi phát hiện
+	Đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý:	0	Vấn đề	Liệt kê các vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý
+	Tỷ lệ % so với tổng số (số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý/tổng số vấn đề phát hiện qua theo dõi x 100):	#DIV/0!	%	
1.2.4	<i>Tổ chức triển khai và tự kiểm tra, xử lý việc thực hiện VBQPPL</i>			
-	Tổ chức tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL	Có	Văn bản	Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 11/01/2021
-	Số văn bản đã tự kiểm tra (bao gồm từ kỳ trước chuyển sang)	25	Văn bản	
+	Số VBQPPL:	25	Văn bản	
+	Văn bản không phải là VBQPPL thuộc đối tượng kiểm tra	0	Văn bản	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật	0	Văn bản	
+	Sai thẩm quyền ban hành, nội dung		Văn bản	
+	Các sai khác (Sai thể thức, ký hiệu, thứ tự, ngày ban hành...)		Văn bản	
+	Văn bản không phải là VBQPPL nhưng có chứa quy phạm pháp luật		Văn bản	
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật đã được xử lý hoặc đề nghị xử lý:	0	Văn bản	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
	2	3	4	5
I				
+	Số văn bản đã xử lý trong kỳ báo cáo	0	Văn bản	
•	Số văn bản không phải là VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
•	Số VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
+	Số văn bản của các kỳ trước được xử lý trong kỳ này:	0	Văn bản	
•	Số văn bản không phải là VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
•	Số VBQPPL đã xử lý		Văn bản	
1.4.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật			
-	Triển khai tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật	Có	Văn bản	- Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 30/12/2020 - Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 14/01/2021
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện tuyên truyền:	6	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị đã hoàn thành	5	Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	83,3333333	%	
-	Số lượng hình thức tuyên truyền: (tuyên truyền trên truyền hình, báo đài, phát tờ rơi...):	3	Hình thức	
2	Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC):			
2.1.1	Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC của Huyện có thể nằm trong Kế hoạch kiểm soát TTHC)			
-	Ban hành Kế hoạch	Có	Kế hoạch	KH số 59/KH-UBND ngày 30/01/2021 của UBND quận
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	29	Nhiệm vụ/đơn vị	12 phòng chuyên môn và 17 phường thực hiện nhiệm vụ rà soát
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:	29	Nhiệm vụ/đơn vị	Thường xuyên rà soát
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	100	%	
2.1.2	Kết quả rà soát			
-	Số TTHC, VBQPPL rà soát theo yêu cầu của Thành phố	0	TTHC	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và quyết định công bố TTHC của UBND Thành phố
+	Số TTHC đã rà soát	0	TTHC	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Số TTHC sửa đổi		TTHC	
•	Số TTHC quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC cắt giảm		TTHC	
+	Số lượng VBQPPL được rà soát		Văn bản	
-	Số TTHC, VBQPPL rà soát theo Kế hoạch rà soát của Thủ tướng Chính phủ (nếu có)	0	TTHC	Chưa có KH của TP
+	Số TTHC đã rà soát	0	TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi		TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền cắt giảm		TTHC	
+	Số lượng VBQPPL được rà soát		Văn bản	
2.2.	Kiểm soát TTHC:			
2.2.1	Kết quả đánh giá tác động quy định TTHC			
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền đã được Thành phố ban hành		TTHC	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền của Thành phố đã được Huyện đánh giá tác động (ĐGTD)	0	TTHC	
+	Tổng số TTHC quy định trong Quyết định của UBND Thành phố đã được Huyện ĐGTD:	0	TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có sửa đổi, bổ sung		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD phải hủy bỏ, bãi bỏ		TTHC	
+	Tổng số TTHC quy định trong Nghị quyết của HĐND Thành phố đã được Huyện ĐGTD:	0	TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có quy định mới		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD có sửa đổi, bổ sung		TTHC	
•	Số TTHC được ĐGTD phải hủy bỏ, bãi bỏ		TTHC	
-	Tổng số VBQPPL quy định TTHC đã được Thành phố ban hành có ĐGTD của huyện	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong Quyết định của UBND Thành phố		Văn bản	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong Nghị quyết của HĐND Thành phố		Văn bản	
2.2.2	<i>Lấy ý kiến của đơn vị kiểm soát TTHC, các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Huyện đối với dự thảo VBQPPL ban hành quy định TTHC do Thành phố ban hành</i>			
-	Số TTHC lấy ý kiến	0	TTHC	
+	Số TTHC quy định trong dự thảo Quyết định của UBND Thành phố		TTHC	Tên TTHC lấy ý kiến
+	Số TTHC quy định trong dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố		TTHC	Tên TTHC lấy ý kiến
-	Số VBQPPL có quy định về TTHC đã được lấy ý kiến	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong dự thảo Quyết định của UBND Thành phố		Văn bản	Tên văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm của VBQPPL
+	Số VBQPPL quy định TTHC trong dự thảo Nghị quyết của HĐND Thành phố		Văn bản	Tên văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm của VBQPPL
2.2.3	<i>Công khai về TTHC. VBQPPL có quy định về TTHC</i>			
-	Số lượng quyết định công bố TTHC đã được Thành phố ban hành và công khai tại huyện:	14	Quyết định	Các QĐ số 5039 ngày 10/11/2020, số 5089 ngày 12/11/2020, số 5561 ngày 08/12/2020, số 5562 ngày 08/12/2020, số 389 ngày 19/01/2021; số 551 ngày 26/01/2021, số 677 ngày 05/2/2021, số 1612 ngày 08/4/2021, số 2308 ngày 26/5/2021, số 3777/QĐ-UBND ngày 30/7/2021, số 3801/QĐ-UBND ngày 04/8/2021, số 3969/QĐ-UBND ngày 18/8/2021, số 3981/QĐ-UBND ngày 20/8/2021, số 4016/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Hà Nội
-	Số VBQPPL có quy định về TTHC đã được Thành phố ban hành, công bố, công khai tại huyện	0	Văn bản	
+	Số VBQPPL ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung		Văn bản	Tên văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm của VBQPPL
+	Số VBQPPL hủy bỏ hoặc bãi bỏ không công khai		Văn bản	Tên văn bản, số, ký hiệu văn bản, ngày tháng năm của VBQPPL. Lý do không công khai.

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số TTHC được quy định mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ trong các VBQPPL được công bố, công khai	23	TTHC	
+	Số TTHC quy định mới	14	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	10	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	4	TTHC	
+	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
+	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ	9	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	5	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	4	TTHC	
+	Số TTHC ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, bãi bỏ không công khai	0	TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện		TTHC	
•	Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã		TTHC	
2.2.4	<i>Công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị và trên Trang thông tin điện tử của huyện:</i>			
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	271	TTHC	
+	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện	271	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện)	100	%	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	164	TTHC	
+	Công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã	164	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã)	100	%	
2.2.5	<i>Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện và xã:</i>			
-	Tổng số phản ánh, kiến nghị (PAKN) đã tiếp nhận gồm cả huyện và xã (bao gồm cả kỳ trước chuyển qua)	3	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính	1	PAKN	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	2	PAKN	
-	Tổng số PAKN đã xử lý xong	3	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính	1	PAKN	
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	2	PAKN	
+	Số PAKN tiếp nhận mới trong kỳ		PAKN	
+	Số PAKN kỳ trước chuyển qua		PAKN	
-	Tổng số PAKN đang xử lý	0	PAKN	
+	Số PAKN về hành vi hành chính	0	PAKN	
+	Số PAKN về nội dung quy định hành chính		PAKN	
-	Tổng số PAKN đã đăng tải công khai kết quả xử lý	3	PAKN	
-	Tổng số PAKN chưa đăng tải công khai kết quả xử lý	3	PAKN	
2,3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:			
2.3.1	<i>Các văn bản triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:</i>			
-	Quyết định thành lập/kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Có	Có hoặc không	QĐ số 4102/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND quận Hà Đông
-	Quyết định điều động, cử công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:	Có	Có hoặc không	QĐ số 4102/QĐ-UBND ngày 26/10/2020 của UBND quận Hà Đông
-	Các văn bản về công khai TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thời gian làm việc (kể cả làm việc vào buổi sáng thứ Bảy nếu có) của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của huyện và các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Có	Có hoặc không	QĐ số 4190/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND quận Hà Đông
-	Các văn bản về ban hành quy trình giải quyết TTHC thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Có	Có hoặc không	QĐ số 4190/QĐ-UBND ngày 29/10/2020 của UBND quận Hà Đông
2.3.2	<i>Về bảo đảm điều kiện cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoạt động:</i>			
-	Tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện:	7	Người	
+	Công chức:	7	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Viên chức (nếu có)	0		
+	Số lao động hợp đồng (nếu có):	0	Người	
+	Số người làm việc chuyên trách:	6	Người	
+	Số người làm việc kiêm nhiệm:	1	Người	
+	Số người làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ:	7	Người	
+	Số người được hưởng chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của huyện (thực hiện theo Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố)	7	Người	
+	Số người được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện	7	Người	
-	Tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc Huyện:	68	Người	
+	Cán bộ (Lãnh đạo UBND cấp xã)	17	Người	
+	Công chức:	51	Người	
+	Số lao động hợp đồng (nếu có):	0	Người	Nêu rõ tên xã có sử dụng lao động hợp đồng làm công tác tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC
+	Số người làm việc chuyên trách:	51	Người	
+	Số người làm việc kiêm nhiệm:	17	Người	
+	Số người làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ:	51	Người	
+	Số người được hưởng chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm việc tại Bộ phận một cửa của các xã thuộc Huyện (thực hiện theo Quyết định 2492/QĐ-UBND ngày 02/6/2011 của UBND Thành phố):	68	Người	
+	Đạt tỷ lệ so với tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc huyện	100	%	Nêu rõ tên xã chưa thực hiện chi trả chế độ bồi dưỡng đối với công chức làm công tác tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC (Trường hợp chưa thực hiện 100% chi trả bồi dưỡng theo quy định)
+	Số người được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đạt tỷ lệ số người được tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ so với tổng số người đang làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tất cả các xã thuộc huyện	0	%	
-	Địa điểm làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Huyện và các xã trực thuộc			
+	Diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện từ 80m ² trở lên	Có	Có hoặc không	Diện tích 200m ²
+	Số xã có diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả từ 40m ² trở lên	16	Đơn vị	
+	Số xã có diện tích làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả dưới 40m ²	1	Đơn vị	Phường Yết Kiêu, diện tích 25 m ²
+	Số xã bố trí Bộ phận một cửa tiếp nhận chung với bộ phận nghiệp vụ khác (nếu có):	0	Đơn vị	Nêu tên xã
+	Số xã đầu tư cải tạo, xây dựng Bộ phận một cửa và mới đưa vào sử dụng trong năm:	0	Đơn vị	
-	Trang thiết bị tối thiểu hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại huyện			
+	Máy photocoopy còn hoạt động tốt	2	Chiếc	
+	Máy in hai mặt lật giấy tự động còn hoạt động tốt	7	Chiếc	
+	Máy tính có kết nối mạng còn hoạt động tốt (Mỗi người một máy tính)	7	Chiếc	
+	Máy Fax còn hoạt động tốt	1	Chiếc	Số máy fax:
+	Máy scan hai mặt tốc độ cao còn hoạt động tốt	6	Chiếc	
+	Điện thoại cố định nghe gọi tốt	1	Chiếc	
+	Camera giám sát tại Bộ phận một cửa còn hoạt động tốt	6	Chiếc	
+	Bàn làm việc sử dụng tốt	8	Chiếc	
+	Ghế làm việc sử dụng tốt	12	Chiếc	
+	Bàn viết hồ sơ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	4	Chiếc	
+	Ghế ngồi chờ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	28	Chiếc	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Bút viết để quây phục vụ cho công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	16	Chiếc	
+	Máy điều hòa nhiệt độ hoạt động tốt	4	Chiếc	Sử dụng điều hòa tổng
+	Quạt điện hoạt động tốt	2	Chiếc	Sử dụng điều hòa tổng
+	Hệ thống bảng, biển thông báo; hòm thư góp ý; số góp ý được bố trí ở nơi thuận tiện, dễ tiếp cận, theo dõi		Đủ hoặc chưa đủ	
-	Tổng số xã có trang thiết bị tối thiểu hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	17	Đơn vị	Ghi tổng số đơn vị hành chính cấp xã:
+	Số xã có máy photocoopy còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có máy in hai mặt lật giấy tự động còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ máy tính cho mỗi người làm việc tại Bộ phận một cửa có kết nối mạng còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có máy Fax còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có máy scan hai mặt tốc độ cao còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có điện thoại cố định nghe gọi tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có camera giám sát tại Bộ phận một cửa còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ bàn làm việc sử dụng tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí đủ ghế làm việc sử dụng tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí bàn viết hồ sơ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí ghế ngồi chờ phục vụ công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí bút viết để quây phục vụ cho công dân, tổ chức đến giao dịch sử dụng tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có máy điều hòa nhiệt độ hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã có bố trí quạt điện hoạt động tốt	17	Đơn vị	Các phường đều có quạt trần và điều hòa
+	Số xã có bố trí hệ thống bảng, biển thông báo; hòm thư góp ý; số góp ý đầy đủ, vị trí hợp lý, dễ tiếp cận, theo dõi	17	Đơn vị	-
-	Trang thiết bị hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của huyện đáp ứng yêu cầu hiện đại hoặc một phần hiện đại (nếu có)			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Bố trí Khu vực cung cấp thông tin về thủ tục hành chính	Có	Bố trí hoặc chưa bố trí	
+	Khu vực đặt các trang thiết bị điện tử	Có	Bố trí hoặc chưa bố trí	
•	Máy lấy số xếp hàng tự động còn hoạt động tốt	1	Chiếc	
•	Màn hình đa phương tiện tra cứu thông tin, thủ tục hành chính. tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hoạt động tốt	1	Chiếc	
•	Thiết bị đọc mã vạch còn hoạt động tốt	6	Chiếc	
+	Khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau	Có	Đã chia đủ hoặc chưa chia đủ	
+	Hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị chuyên dụng theo quy định đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện đúng quy trình công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, theo dõi quá trình giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức; có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống máy nhắn tin kết quả giải quyết TTHC vào điện thoại di động hoặc máy để bàn của khách hàng, tra cứu hồ sơ trực tuyến qua tin nhắn, qua mạng internet, nộp phí, lệ phí trực tuyến...</i>)	Có	Đủ điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện	Cơ bản đáp ứng, tuy nhiên hiện còn thiếu hệ thống máy nhắn tin tự động cho khách hàng
+	Áp dụng phần mềm một cửa điện tử với chức năng khoa học, rõ ràng, tiện lợi, có tính tự động cao, đảm bảo các yêu cầu theo quy định.	Có	Đã áp dụng hoặc chưa áp dụng	Triển khai theo lộ trình của Thành phố
+	Không gian giao tiếp giữa công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với cá nhân, tổ chức đã được thiết kế hợp lý, đảm bảo giao tiếp bình đẳng, minh bạch	Có	Đáp ứng yêu cầu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu	
+	Bố trí và có biển chỉ dẫn chỗ để xe, công trình phụ để cá nhân, tổ chức đến giao dịch được biết	Có	Đã bố trí đủ hoặc chưa bố trí đủ	
-	Tổng số xã có trang thiết bị hiện có tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đáp ứng yêu cầu hiện đại (nếu có)	17	Đơn vị	Thiếu ghi tên xã
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí Khu vực cung cấp thông tin về thủ tục hành chính	17	Đơn vị	Thiếu ghi tên xã

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có khu vực đặt các trang thiết bị điện tử	17	Đơn vị	Thiếu ghi tên xã
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có máy lấy số xếp hàng tự động còn hoạt động tốt	15	Đơn vị	
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có màn hình đa phương tiện tra cứu thông tin, thủ tục hành chính, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hoạt động tốt	15	Đơn vị	
•	Số đơn vị hành chính cấp xã có thiết bị đọc mã vạch còn hoạt động tốt	17	Đơn vị	Chưa đầu tư
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có bố trí khu vực tiếp nhận và trả kết quả được chia thành từng quầy tương ứng với từng lĩnh vực khác nhau	17	Đơn vị	Thiếu ghi tên xã
+	Số đơn vị hành chính cấp xã có hạ tầng công nghệ thông tin và các thiết bị chuyên dụng theo quy định đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện đúng quy trình công khai, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết, theo dõi quá trình giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức; có đủ điều kiện để thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Hệ thống máy chủ, máy trạm, hệ thống máy nhắn tin kết quả giải quyết TTHC vào điện thoại di động hoặc máy để bàn của khách hàng, tra cứu hồ sơ trực tuyến qua tin nhắn, qua mạng internet, nộp phí, lệ phí trực tuyến...</i>)	17	Đơn vị	Các phường đều cơ bản đáp ứng, tuy nhiên hạ tầng các xã không cần đầu tư máy chủ, các xã hiện chưa có máy nhắn tin kết quả giải quyết TTHC (do phát sinh kinh phí nhắn tin)
+	Số đơn vị hành chính cấp xã ứng dụng phần mềm một cửa điện tử với chức năng khoa học, rõ ràng, tiện lợi, có tính tự động cao, đảm bảo các yêu cầu theo quy định.	17	Đơn vị	
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí không gian giao tiếp giữa công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả với cá nhân, tổ chức đã được thiết kế hợp lý, đảm bảo giao tiếp bình đẳng, minh bạch	17	Đơn vị	Các xã đã bố trí không gian giao tiếp giữa công chức với cá nhân, tổ chức hợp lý. Tuy nhiên để đảm bảo giao tiếp bình đẳng (cần hiểu rõ thế nào?)
+	Số đơn vị hành chính cấp xã bố trí và có biển chỉ dẫn chỗ để xe, công trình phụ để cá nhân, tổ chức đến giao dịch được biết	17	Đơn vị	
2.3.3	<i>Thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với cơ quan UBND huyện</i>			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện:	271	TTHC	
+	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (không có tính liên thông)	194		
+	Số TTHC có tính liên thông cùng cấp, giữa các cấp chính quyền	77		
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	6	TTHC	3 TT lĩnh vực LĐ, TB-XH, 3 TT lĩnh vực Văn hóa
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	57	TTHC	24 TT lĩnh vực Giáo dục, 37 TT lĩnh vực LĐ, TB-XH, 1 TT lĩnh vực TNMT
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức phối kết hợp liên thông cùng cấp và giữa các cấp chính quyền	14	TTHC	1 TT lĩnh vực Giáo dục, 1 TT lĩnh vực Nội vụ, 5 TT lĩnh vực Thanh tra, 2 TT lĩnh vực TNMT, 3TT VPĐK ĐĐ và 2 TT lĩnh vực VH
+	Số TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại bộ phận một cửa:	271	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện và đơn vị trực thuộc)	139,690722	%	Nêu tên TTHC và lý do chưa thực hiện 100% TTHC ra thực hiện cơ chế một cửa (Trường hợp chưa đạt 100% số TTHC)
+	Số TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông tại bộ phận một cửa:		TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của huyện và đơn vị trực thuộc)	0	%	Nêu tên TTHC và lý do chưa thực hiện 100% TTHC ra thực hiện cơ chế một cửa liên thông (Trường hợp chưa đạt 100% số TTHC)
+	Số TTHC do phòng, ban chuyên môn trực tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả	0	TTHC	
-	Tổng số TTHC được ban hành quy trình giải quyết TTHC tại Huyện:	271		
+	Số TTHC đã được ban hành quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa:	271	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa)	100	%	
+	Số TTHC đã được xây dựng quy trình giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông		TTHC	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Tỷ lệ % (so với tổng số TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông)	#DIV/0!	%	
-	Thực hiện công khai trong giải quyết TTHC:			
+	Về công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
+	Về công khai TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC:	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
+	Thực hiện các quy định về biểu mẫu, sổ sách theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
2.3.4	<i>Thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối với UBND cấp xã</i>			
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã	17	Đơn vị	
-	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết của các xã, phường, thị trấn	164	TTHC	
+	Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị <i>(không có tính liên thông)</i>	134		
+	Số TTHC cấp xã có tính liên thông cùng cấp, giữa các cấp chính quyền	30		
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0	TTHC	
•	Số TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông giữa các cấp chính quyền	30	TTHC	
+	Số xã có 100% TTHC tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại bộ phận một cửa:	17	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc Huyện)	100	%	
+	Số xã đã ban hành quy trình giải quyết đối với tất cả các TTHC theo cơ chế một cửa:	17	Đơn vị	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã)	100	%	
+	Số xã đã ban hành quy trình giải quyết đối với tất cả các TTHC theo cơ chế một cửa liên thông	17	TTHC	
+	Tỷ lệ % (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã)	100	%	

afu

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Thực hiện công khai trong giải quyết TTHC	17		
+	Số xã thực hiện đúng, đầy đủ công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện đúng, đầy đủ công khai họ tên công chức, đeo thẻ và mặc đồng phục trong tiếp nhận và trả kết quả:	0	Đơn vị	
+	Số xã thực hiện công khai đúng, đầy đủ TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện công khai đúng, đầy đủ TTHC, hồ sơ thủ tục, yêu cầu, điều kiện, biểu mẫu, phí, lệ phí, đường dây nóng, hòm thư góp ý, thời hạn trả kết quả giải quyết TTHC	0	Đơn vị	
+	Số xã thực hiện đúng đầy đủ các quy định về biểu mẫu, sổ sách trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện đúng đầy đủ các quy định về biểu mẫu, sổ sách trong tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	0	Đơn vị	
2.3.5	<i>Kết quả tiếp nhận và trả hồ sơ giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) tại UBND huyện:</i>			Số liệu trên phần mềm Một cửa dùng chung đến ngày 10/9/2021
-	Tổng số Hồ sơ hành chính tiếp nhận:	14662	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận trực tuyến (mức độ 3, 4)	9629	Hồ sơ	
+	Số kỳ trước chuyển qua	200	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện)	4833	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	13905	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	13890	Hồ sơ	
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	4370		
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	9520	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99,8921251	Hồ sơ	
+	Trả quá hạn	15	Hồ sơ	Quá hạn do lỗi phần mềm, ko truy cập xử lý được

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	0		
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	15	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0,10787487	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết	1672	Hồ sơ	
+	Chưa đến hạn	1672	Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	13905	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	13890	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99,8921251	%	
÷	Trả quá hạn	15	Hồ sơ	Quá hạn do lỗi phần mềm, ko truy cập xử lý được
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	15,0161987	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1672	Hồ sơ	
--	<i>Kết quả tiếp nhận và trả hồ sơ giải quyết TTHC từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng..... năm..... (theo Quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) tại cấp xã:</i>			9 tháng đầu năm 2021
-	Tổng số Hồ sơ hành chính tiếp nhận:	52543	Hồ sơ	Công thức sai. Tổng hs tiếp nhận là 68897
+	Số mới tiếp nhận trực tuyến (mức độ 3, 4)	15901	Hồ sơ	
+	Số kỳ trước chuyển qua	453	Hồ sơ	
+	Số mới tiếp nhận (trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện)	52543	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết	67570	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	67458	Hồ sơ	
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	53205		
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3, 4	14253	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99,834246	Hồ sơ	
+	Trả quá hạn	112	Hồ sơ	Quá hạn do lỗi phần mềm. ko truy cập xử lý được
•	Trả trước hạn, đúng hạn qua hình thức thông thường	112		

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Trong đó, trả trước hạn, đúng hạn đối với hồ sơ tiếp nhận qua mạng mức độ 3. 4	0	Hồ sơ	
•	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	0,16575403	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết	1439	Hồ sơ	
+	Chưa đến hạn	1439	Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
-	Tổng số hồ sơ đã giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	67570	Hồ sơ	
+	Trả trước hạn, đúng hạn	67458	Hồ sơ	
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	99,834246	%	
+	Trả quá hạn	112	Hồ sơ	Quá hạn do lỗi phần mềm, ko truy cập xử lý được
+	Tỷ lệ % (so với hồ sơ đã giải quyết)	112,185953	Hồ sơ	công thức sai, tỷ lệ quá hạn của Hà Đông là 0.17%
-	Tổng số hồ sơ đang giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	1439	Hồ sơ	
2.3.7	<i>Thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định đối với hồ sơ giải quyết quá hạn, hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết do lỗi tiếp nhận của công chức thụ lý hồ sơ</i>			
-	Huyện đã thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
-	Số xã thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	17	Đơn vị	
-	Số xã chưa thực hiện gửi thư xin lỗi theo quy định	0	Đơn vị	
-	Tỷ lệ % số xã thực hiện gửi thư xin lỗi	100	%	
2.3.8	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan UBND huyện</i>	100	%	<i>Kết quả đánh giá qua hệ thống bấm nút tại bộ phận Một cửa quận</i>
2.3.9	<i>Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của chính quyền cấp xã</i>	100	%	<i>Kết quả đánh giá qua hệ thống bấm nút tại bộ phận Một cửa phường</i>
3	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:			
3.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của huyện và các đơn vị trực thuộc			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc huyện:	12	Đơn vị	
+	Thành lập mới	0	Đơn vị	
+	Tổ chức lại (sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ...):	12	Đơn vị	
+	Giải thể	0	Đơn vị	
-	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện	12	Đơn vị	
+	Thành lập mới:	0	Đơn vị	
+	Tổ chức lại (sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ...):	12	Đơn vị	
+	Giải thể:	0	Đơn vị	
3.2	Thực hiện quy định về cơ cấu lãnh đạo của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện			
-	Cơ cấu lãnh đạo của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đơn vị trực thuộc huyện thực hiện đúng quy định và hiện có	Có	Đúng hoặc không đúng	
-	Cơ cấu lãnh đạo của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc huyện thực hiện đúng quy định và hiện có	Có	Đúng hoặc không đúng	
3.3	Biên chế quản lý nhà nước:			
-	Số biên chế hành chính được giao:	195	Biên chế	
-	Số biên chế hành chính có mặt đến thời điểm báo cáo:	193	Biên chế	Trong đó có 1/3 công chức, 15 hợp đồng 68 và 05 hợp đồng theo TT03/2019/BNV
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn (nếu có) đến thời điểm báo cáo	0	Hợp đồng	Đơn vị cần giải trình rõ và hướng giải quyết
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP đến thời điểm báo cáo	20	Hợp đồng	15 hợp đồng 68, 05 hợp đồng theo TT 03/2019 của BNV
-	Số biên chế hành chính thừa so với số biên chế hành chính được giao		Biên chế	
-	Số lượng người làm việc được giao trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện	4782	Người	
-	Số lượng người làm việc hiện có trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đến thời điểm báo cáo	4416	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số lượng người làm việc hiện có nhiều hơn số người làm việc được giao trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện đến thời điểm báo cáo		Người	
3.4	Về thực hiện phân cấp quản lý:			
-	Thực hiện các quy định của Chính phủ, bộ ngành về phân cấp được thực hiện trên địa bàn huyện	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	Liệt kê các văn bản quy định về phân cấp. Trường hợp chưa thực hiện đầy đủ thì nêu rõ tại quy định nào, văn bản nào. Nguyên nhân vướng mắc về phân cấp giữa Trung ương với Thành phố trong phạm vi, lĩnh vực huyện, ngành quản lý
-	Thực hiện quy định của Thành phố về phân cấp trên địa bàn huyện	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	Liệt kê các văn bản quy định về phân cấp. Trường hợp chưa thực hiện đầy đủ thì nêu rõ tại quy định nào, văn bản nào. Những khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị trong thực hiện phân cấp giữa Thành phố với cấp huyện:
4	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:			
4.1.	Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức:			
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	13	Đơn vị	
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện chưa bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0	Đơn vị	
-	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt:	103	Đơn vị	
-	Số đơn vị sự nghiệp dịch vụ công trực thuộc huyện chưa bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt:	0	Đơn vị	
-	Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm:	0	Vấn đề	
4.2.	Thống kê chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức (tính đến thời điểm báo cáo):			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tổng số người trong phòng, ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND huyện	193	Người	Bao gồm biên chế công chức, lao động hợp đồng theo Nghị định 68. TT03/2019/BNV tại các phòng chuyên môn và công chức Đội Quản lý trật tự xây dựng
+	Nam	84	Người	
+	Nữ	109	Người	
+	Đảng viên	163	Người	
+	Dân tộc thiểu số	4	Người	
+	Tôn giáo	0	Người	
-	Công chức	173	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	0	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:	20	Người	Gồm 15 hợp đồng 68 và 05 hợp đồng theo TT 03 của BNV
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	18	Người	
-	Chuyên viên và tương đương	160	Người	
-	Cán sự và tương đương	4	Người	
-	Nhân viên	20	Người	
-	Tiến sỹ	3	Người	
-	Thạc sỹ	76	Người	
-	Đại học	105	Người	
-	Cao đẳng	1	Người	
-	Trung cấp	0	Người	
-	Sơ cấp	4	Người	
-	Cử nhân chính trị	25	Người	
-	Cao cấp lý luận chính trị	26	Người	
-	Trung cấp chính trị	61	Người	
-	Sơ cấp chính trị	29	Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	10	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Từ 31 đến 40 tuổi	84	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	75	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	16	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	6	Người	
4.2.	Thống kê chất lượng đội ngũ viên chức (tính đến thời điểm báo cáo):			
-	Tổng số người	4433	Người	<i>Bao gồm biên chế viên chức sự nghiệp và lao động hợp đồng theo Nghị định 68</i>
+	Nam	2162	Người	
+	Nữ	2271	Người	
+	Đảng viên	2540	Người	
+	Dân tộc thiểu số	39	Người	
+	Tôn giáo	4	Người	
-	Viên chức	3963	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	3	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP:	481	Người	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	358	Người	
-	Chuyên viên và tương đương	2169	Người	
-	Cán sự và tương đương	1291	Người	
-	Nhân viên	637	Người	
-	Tiến sỹ	0	Người	
-	Thạc sỹ	198	Người	
-	Đại học	2562	Người	
-	Cao đẳng	726	Người	
-	Trung cấp	767	Người	
-	Sơ cấp	109	Người	
-	Cử nhân chính trị	16	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Cao cấp lý luận chính trị	18	Người	
-	Trung cấp chính trị	490	Người	
-	Sơ cấp chính trị	1192	Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	1225	Người	
-	Từ 31 đến 40 tuổi	1286	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	1442	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	363	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	46	Người	
4.2.	Thống kê chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã (tính đến thời điểm báo cáo):			
-	Tổng số người làm việc tại UBND cấp xã	338	Người	
+	Nam	176	Người	
+	Nữ	162	Người	
+	Đảng viên	318	Người	
+	Dân tộc thiểu số	1	Người	
+	Tôn giáo (theo một tôn giáo: Phật, Thiên chúa..)	0	Người	
-	Cán bộ qua bầu cử	92	Người	
-	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	246	Người	
-	Hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn	0	Người	
-	Hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP	0	Người	
-	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử		Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn		Người	
-	Chuyên viên chính và tương đương	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử		Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn		Người	
-	Chuyên viên và tương đương	321	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	89	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	232	Người	
-	Cán sự và tương đương	17	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	3	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	14	Người	
-	Nhân viên	0	Người	
-	Tiến sỹ	1	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	1	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	
-	Thạc sỹ	139	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	33	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	106	Người	
-	Đại học	178	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	54	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	124	Người	
-	Cao đẳng	6	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	0	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	6	Người	
-	Trung cấp	15	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	7	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	8	Người	
-	Sơ cấp	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	0	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	
-	Cử nhân chính trị	37	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	11	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	26	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Cao cấp lý luận chính trị	23	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	9	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	14	Người	
-	Trung cấp chính trị	203	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	36	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	167	Người	
-	Sơ cấp chính trị	55	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	16	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	39	Người	
-	Từ 30 độ tuổi trở xuống	15	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	6	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	9	Người	
-	Từ 31 đến 40 tuổi	115	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	41	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	74	Người	
-	Từ 41 đến 50 tuổi	67	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	19	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	48	Người	
-	Từ 51 đến 55 tuổi	59	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	16	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	43	Người	
-	Từ 56 đến 60 tuổi	43	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử	43	Người	
+	Công chức giữ các chức danh chuyên môn	0	Người	
4,3	Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:			
4.3.1	Công tác tuyển dụng			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Xây dựng và ban hành các Kế hoạch, văn bản tuyển dụng, thi nâng ngạch, xét thăng hạng:	Có	Văn bản	- KH 270/KH-UBND ngày 25/12/2020 về tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2020 - CV 15/UBNDV-NV ngày 05/01/2021 báo cáo nhu cầu đăng ký dự thi nâng ngạch Thanh tra viên chính năm 2021
-	Kết quả tuyển dụng (trúng tuyển):	82	Người	
+	Công chức:	0	Người	
+	Viên chức:	60	Người	
+	Công chức cấp xã	22	Người	
+	Thanh tra xây dựng cấp huyện:	0	Người	
+	Thanh tra xây dựng cấp xã:	0	Người	
-	Số người được nâng ngạch, xét thăng hạng viên chức	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số người được chuyển loại	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số người được chuyển ngạch	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
4.3.2	Thực hiện về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên lao động hợp đồng			

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Tiếp nhận, điều động:	50	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức	49	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã	1	Người	
-	Bổ nhiệm giữ vị trí lãnh đạo/phê duyệt kết quả bầu cử	106	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
+	Công chức	8	Người	
+	Viên chức	51	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	47	Người	
+	Bổ nhiệm lần đầu/phê duyệt kết quả bầu cử lần đầu	85	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	3	Người	Trưởng phòng Tư pháp quận
•	Viên chức	35	Người	Phó Hiệu trưởng trường THCS Dương Nội
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	47	Người	
+	Bổ nhiệm lại/tái cử	21	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	5	Người	
•	Viên chức	16	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
-	Luân chuyển	73	Người	Luân chuyển nội bộ quận
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức	73	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP	9	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	7	Người	07 công chức phường
+	Viên chức	2	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
-	Biệt phái	3	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức	3	Người	Biệt phái 03 viên chức và 01 LĐHHĐ 68 tại Ban QLDA Đầu tư xây dựng và Trung tâm phát triển Quỹ đất quận về làm việc tại phòng Tài nguyên môi trường quận
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
-	Nghỉ hưu:	11	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
+	Công chức	0	Người	
+	Viên chức	11	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
+	Công chức cấp xã	0	Người	
+	Nhân viên hợp đồng	0	Người	
+	Nghỉ hưu đến tuổi	11	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức	11	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
•	Nhân viên hợp đồng		Người	
+	Nghỉ hưu theo tinh giản biên chế	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
•	Nhân viên hợp đồng		Người	
-	Thôi việc	0	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
+	Nhân viên hợp đồng	0	Người	
-	Tổng số người được đánh giá	4077	Người	<i>Kết quả đánh giá năm 2020</i>
+	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	905	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	35	Người	
•	Viên chức	780	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	43	Người	
•	Công chức cấp xã	40	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	7	Người	
+	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	3110	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	118	Người	
•	Viên chức	2626	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	103	Người	
•	Công chức cấp xã	153	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	110	Người	
+	Hoàn thành nhiệm vụ	39	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	0	Người	
•	Viên chức	32	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	3	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	4	Người	
+	Không hoàn thành nhiệm vụ	23	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	11	Người	
•	Viên chức	5	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	4	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Công chức cấp xã	3	Người	
•	Nhân viên hợp đồng	0	Người	
-	Kỷ luật	6	Người	Kết quả năm 2020
+	Khiển trách	6	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức	3	Người	
•	Viên chức	3	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Cảnh cáo:	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Hạ bậc lương	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Giáng chức	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Cách chức	0	Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Bãi nhiệm	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Buộc thôi việc	0	Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
•	Nhân viên hợp đồng		Người	
4.3.3	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:		Người	
-	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Có	Kế hoạch	KH số 81/KH-UBND ngày 19/02/2021
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị hoặc số lớp, số lượt người trong kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:	27	Nhiệm vụ/đơn vị/lớp/lượt người	
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị hoặc số lớp, số lượt người đã hoàn thành theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	13	Nhiệm vụ/đơn vị/lớp/lượt người	
+	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	48,1481481	%	
-	Tổng số người được đào tạo, bồi dưỡng	1656	Người	
+	Số người được đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Số người được đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước	970	Người	
•	Cán bộ quan bầu cử cấp huyện	0	Người	
▫	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
▫	Chuyên viên	0	Người	
•	Công chức	411	Người	
▫	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
▫	Chuyên viên chính và tương đương	5	Người	
▫	Chuyên viên	401	Người	
▫	Cán sự và tương đương	5	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Viên chức	363	Người	
◦	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
◦	Chuyên viên chính và tương đương	84	Người	
◦	Chuyên viên	279	Người	
◦	Cán sự và tương đương	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
◦	Chuyên viên cao cấp và tương đương		Người	
◦	Chuyên viên chính và tương đương		Người	
◦	Chuyên viên		Người	
◦	Cán sự và tương đương		Người	
•	Công chức cấp xã	196	Người	
◦	Chuyên viên cao cấp và tương đương	0	Người	
◦	Chuyên viên chính và tương đương	0	Người	
◦	Chuyên viên	196	Người	
◦	Cán sự và tương đương	0	Người	
+	Tiến sỹ	2	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
•	Công chức	2	Người	
•	Viên chức	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
+	Thạc sỹ	71	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
•	Công chức	58	Người	
•	Viên chức	13	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
+	Đại học	527	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
•	Công chức	67	Người	
•	Viên chức	264	Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	196	Người	
+	Cao đẳng	86	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện	0	Người	
•	Công chức	0	Người	
•	Viên chức	86	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã	0	Người	
•	Công chức cấp xã	0	Người	
+	Trung cấp	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
+	Bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp, ứng xử	0	Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
•	Công chức		Người	
•	Viên chức		Người	
•	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
•	Công chức cấp xã		Người	
4.3.3	<i>Về công tác đổi mới quản lý cán bộ, công chức, viên chức</i>			
-	Tổng số người đạt kết quả nâng ngạch qua dự thi theo nguyên tắc cạnh tranh	8	Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp huyện		Người	
+	Công chức	8	Người	
+	Viên chức		Người	
+	Cán bộ qua bầu cử cấp xã		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Tổng số người đạt kết quả đủ điều kiện để bổ nhiệm vào các chức vụ Trưởng phòng chuyên môn cấp huyện và tương đương trở xuống qua thi tuyển cạnh tranh (nếu có)	0	Người	
+	Công chức		Người	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Viên chức		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
+	Những đối tượng khác (những người đáp ứng đủ điều kiện dự thi ngoài các đối tượng nêu trên)		Người	
-	Tổng số người được tuyển dụng qua thực hiện quy định thu hút người tài vào cơ quan	0	Người	
+	Công chức		Người	
+	Viên chức		Người	
+	Công chức cấp xã		Người	
-	Số cán bộ, công chức cấp xã thực hiện chỉ tiêu đạt chuẩn công chức cấp xã hàng năm theo quy định:	0	Người	
+	Số cán bộ cấp xã		Người	
+	Số công chức cấp xã		Người	
5	Cải cách tài chính công:			
5.1	Tình hình triển khai các chính sách cải cách về thuế, thu nhập, tiền lương, tiền công và các chính sách an sinh xã hội theo quy định của Chính phủ, bộ ngành và của Thành phố:			
-	Cải cách về thu nhập, tiền lương, tiền công:	486.871	Triệu đồng	Tăng so với năm trước 24.842 triệu đồng
-	Thực hiện các chính sách an sinh xã hội:	11.232	Triệu đồng	Chế độ chính sách cho các đối tượng: 11 tỷ 232 tr đồng
5.2.	Thực hiện đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ quan hành chính			
5.2.1	Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014			
-	Cơ quan huyện thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Có	Văn bản	QĐ 5015/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND quận Hà Đông, trong đó có giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Cơ quan huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	Không	Văn bản	UBND quận đã giao quyền tự chủ cho các đơn vị nên không ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công chung cho các đơn vị
-	Cơ quan huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức:	Không	Văn bản	Các đơn vị được giao quyền tự chủ căn cứ chức năng và nhiệm vụ để ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ
-	Số các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công để triển khai cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	18	Đơn vị	18 phòng ban, đoàn thể cấp quận được giao tự chủ theo NĐ 130/2005/NĐ-CP đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công
-	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho công chức:	18	Đơn vị	18 đơn vị đã ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ
-	Số lượng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc huyện chưa thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do chưa thực hiện
5.2.2	<i>Tình hình về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan UBND huyện:</i>			Số liệu tổng của cả cơ quan UBND quận và các phòng, ban, đơn vị trực thuộc
-	Đơn vị dự toán cấp 1 (cơ quan UBND huyện):			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/01 biên chế/năm tại đơn vị dự toán cấp 1	77	Triệu đồng	Định mức chi khác tính cho 01 biên chế
+	Tổng kinh phí được giao	10.881	Triệu đồng	bao gồm lương, các khoản tính theo lương và chi khác theo định mức
+	Tổng biên chế được giao	76	Biên chế	
-	Đơn vị dự toán cấp 2 (các phòng, an, đơn vị trực thuộc huyện):			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/01 biên chế/năm:	62	Triệu đồng	Định mức chi khác tính cho 01 biên chế

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Tổng kinh phí được giao	23.338	Triệu đồng	bao gồm lương, các khoản tính theo lương và chi khác theo định mức
+	Tổng biên chế được giao	163	Biên chế	
5.2.3	<i>Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan UBND huyện</i>			Chỉ tiêu này xác định vào cuối năm ngân sách
-	Đơn vị dự toán cấp 1:			
+	Số biên chế tiết kiệm được		Biên chế	
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	0	%	
+	Đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (nếu có):		Nghìn đồng	
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức (nếu có):		Nghìn đồng	
-	Đơn vị dự toán cấp 2:			
+	Số biên chế tiết kiệm được		Biên chế	
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	0	%	
+	Đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần mức tiền lương theo cấp bậc, chức vụ trở lên (nếu có):		Nghìn đồng	
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức:		Nghìn đồng	
5.2.4	<i>Thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014 đối với cấp xã</i>			
-	Số đơn vị hành chính cấp xã được giao tự chủ hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 7/10/2014 đối với cấp xã	17	Đơn vị	QĐ 5015/QĐ-UBND ngày 19/12/2020 của UBND quận Hà Đông, trong đó có giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị
-	Sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước:			
+	Mức giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí/người/năm:	52	Triệu đồng	
+	Tổng kinh phí được giao:	125.697	Triệu đồng	năm 2019
-	Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ về kinh phí quản lý hành			năm 2019
+	Kinh phí quản lý hành chính tiết kiệm được:		Triệu đồng	năm 2019
+	Đạt tỷ lệ (%) so với kinh phí được giao:	0	%	năm 2019
+	Số đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức từ 0,3 lần		Đơn vị	năm 2019

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Thu nhập tăng thêm của cán bộ, công chức:		Nghìn đồng	năm 2019
5,3	Thực hiện đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập			
-	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện	103	Đơn vị	
+	Số các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện được giao quyền tự chủ	103	Đơn vị	Tên đơn vị
+	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công	103	Đơn vị	Tên đơn vị
+	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc huyện ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động:	103	Đơn vị	Tên đơn vị
+	Số lượng các đơn vị sự nghiệp công lập chưa thực hiện cơ chế tự chủ	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do chưa thực hiện
-	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp (trong kỳ báo cáo)	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị
-	Hiệu quả của việc giao quyền tự chủ			
+	Tổng quỹ tiền lương:	358.804	Triệu đồng	
+	Tổng thu nhập tăng thêm:		Triệu đồng	Chỉ tiêu này xác định vào cuối năm ngân sách
+	Đạt tỷ lệ (%) so với tổng quỹ tiền lương:	0	%	
+	Số đơn vị có thu nhập tăng thêm:	103	Đơn vị	Các đơn vị đều xây dựng phương án tiết kiệm kinh phí để tăng thu nhập cho cán bộ. Sau khi xác định được kinh phí tiết kiệm, đơn vị mới có cơ sở để chi trả thu nhập tăng thêm.
+	Số đơn vị có kinh phí tiết kiệm được từ nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ:	103	Đơn vị	
6	Hiện đại hóa hành chính:			
6,1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại huyện			
6.1.1	Xây dựng và ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT của cơ quan		Kế hoạch	
-	Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Có	Kế hoạch	KH số 181/KH-UBND ngày 07/6/2021

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:		Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch:		Nhiệm vụ/đơn vị	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	#DIV/0!	%	
6.1.2	<i>Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và giải quyết TTHC:</i>			
-	Tổng số người được trang bị máy tính (gồm cả máy tính để bàn và xách tay) có kết nối internet và đáp ứng cơ bản công việc (soạn thảo, truyền file, email, xử lý văn bản trực tuyến..)	178	Người	
+	Cán bộ, Công chức	178	Người	
+	Viên chức		Người	
+	Nhân viên hợp đồng		Người	
+	Đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	Có	Đáp ứng hoặc chưa đáp ứng	
-	Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của huyện với các cơ quan Đảng thuộc Huyện, Thành phố	Có	Đã kết nối hoặc chưa kết nối	
6.1.2	<i>Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý, điều hành và giải quyết TTHC tại cấp xã</i>			
-	Tổng số đơn vị cấp xã được trang bị máy tính (gồm cả máy tính để bàn và xách tay)	17	Đơn vị	
+	Số xã đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa đáp ứng 01 máy tính/01 công chức	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do
+	Đạt tỷ lệ số xã đáp ứng 1 máy tính/1 công chức (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	100	%	
-	Số xã có máy tính có kết nối Internet băng thông rộng (xDSL)	17	Đơn vị	
+	Đạt tỷ lệ (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	588,235294	%	Sai công thức
-	Số xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của xã với các cơ quan Đảng thuộc Huyện	0	Đơn vị	
-	Số xã chưa kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của xã với các cơ quan Đảng thuộc Huyện	17	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Đạt tỷ lệ số xã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng (so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện)	0	%	
6.1.3	<i>Thông kê phần mềm cơ quan UBND huyện đang sử dụng:</i>			
-	Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Khả năng kết nối, đồng bộ xử lý giữa UBND huyện với UBND Thành phố	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Quản lý văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Quản lý văn bản đi/đến với các cơ quan bên ngoài	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
-	Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Phần mềm 1 cửa điện tử dùng chung 3 cấp TP
+	Khả năng liên thông theo chiều ngang của phần mềm (giữa các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện)	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Khả năng liên thông theo chiều dọc	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
+	Hệ thống cho phép tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ..	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
•	Quan hệ thống màn hình cảm ứng tại trụ huyện cơ quan	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
•	Qua Internet	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
•	Qua tin nhắn SMS (điện thoại di động)	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Chưa tốt nói rõ lý do
•	Qua hình thức khác	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Nêu tên các hình thức
+	Trang thông tin tra cứu hồ sơ một cửa cấp huyện qua mạng Internet	Có	Hoạt động tốt hoặc chưa tốt	Nêu địa chỉ trang thông tin.

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số lượng phần mềm chuyên dụng	5	Phần mềm	Phần mềm Quản lý CBCC, Quản lý đơn thu, KNTC, Quản lý Tài sản công, Kế toán, Quản lý Ngân sách (TCKH)
-	Ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	Có	Có thực hiện hoặc chưa thực hiện	Chưa thực hiện nói rõ lý do
6.1.3	<i>Thống kê phần mềm các đơn vị hành chính cấp xã đang sử dụng:</i>			
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng	17		
+	Số xã sử dụng Phần mềm Quản lý văn bản trên môi trường mạng được hoạt động tốt	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa có khả năng kết nối, đồng bộ xử lý giữa UBND xã với UBND huyện	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do
+	Số xã chưa sử dụng hoặc chức năng Quản lý văn bản đi/đến trong nội bộ cơ quan trong Phần mềm hoạt động chưa tốt	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do
+	Số xã chưa sử dụng hoặc chức năng Quản lý văn bản đi/đến với cơ quan bên ngoài trong Phần mềm hoạt động chưa tốt	0	Đơn vị	Nêu tên đơn vị và lý do
-	Tổng số đơn vị hành chính cấp xã sử dụng Phần mềm Một cửa	17		
+	Số xã sử dụng Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông cho thấy phần mềm hoạt động tốt	17	Đơn vị	Tên phần mềm
+	Số xã chưa sử dụng Phần mềm tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hoặc Phần mềm chưa thấy hoạt động tốt	0	Đơn vị	Tên phần mềm, lý do: chưa có khả năng liên thông theo chiều dọc ...
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua màn hình cảm ứng tại trụ sở xã	17	Đơn vị	Sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố nên đáp ứng đủ các thông tin
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua Internet	17	Đơn vị	Sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố nên đáp ứng đủ các thông tin
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua tin nhắn SMS (điện thoại di động)	17	Đơn vị	Sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố nên đáp ứng đủ các thông tin

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Số xã cho phép người dân, tổ chức tra cứu thông tin và trạng thái giải quyết hồ sơ qua qua hình thức khác	17	Đơn vị	Sử dụng phần mềm một cửa điện tử dùng chung 3 cấp của Thành phố nên đáp ứng đủ các thông tin
-	Số xã sử dụng các phần mềm chuyên dụng	17	Đơn vị	Phần mềm Quản lý CBCC, Quản lý đơn thư, KNTC, Quản lý Tài sản công, Kế toán
-	Số xã ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	17	Đơn vị	Sử dụng CKS của Ban cơ yếu chính phủ
-	Số xã chưa ứng dụng chữ ký số trong văn bản điện tử	0	Đơn vị	
6.1.4	<i>Trao đổi văn bản trên môi trường mạng của cơ quan UBND huyện:</i>			
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ của huyện	100	%	
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa huyện với các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố	80	%	
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ huyện (tính trung bình trên toàn huyện)	5	%	
-	Tỉ lệ văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị bên ngoài huyện	20	%	
6.1.5	<i>Trao đổi văn bản trên môi trường mạng của UBND cấp xã:</i>			
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến trong nội bộ của xã	17	Đơn vị	
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (hoàn toàn không dùng văn bản giấy) trên tổng số văn bản đi/đến giữa xã với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện	17	Đơn vị	
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.	0	Đơn vị	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số xã có 100% văn bản đi/đến được chuyển song song trên môi trường mạng và qua đường công văn trực tiếp trên tổng số văn bản đi/đến với các cơ quan, đơn vị bên ngoài huyện	0	Đơn vị	
6.1.6	<i>Trang (công) thông tin điện tử của huyện</i>			
-	Trang thông tin điện tử của huyện:	Có	Có hoặc không	http://hadong.hanoi.gov.vn
+	Nội dung thông tin trang được đăng tải đầy đủ các thông tin về hoạt động của huyện, phong phú, đa dạng, thiết thực phù hợp với quy định pháp luật	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	Chưa đầy đủ nêu rõ lý do
+	Liên kết với Công thông tin điện tử của Thành phố và trang thông tin điện tử ngành dọc cấp trên	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	Chưa liên kết đầy đủ nêu rõ lý do
+	Đăng tải công khai các Danh mục TTHC, nội dung TTHC, các biểu mẫu TTHC, quy trình giải quyết TTHC	Có	Đầy đủ chưa đầy đủ	Chưa đầy đủ nêu rõ lý do
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 1 (công bố thông tin về Thủ tục):		DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	0	%	
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức 2 (có kèm theo các văn bản, biểu mẫu):	271	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	100	%	
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức 3(khai báo và thông báo kết quả giải quyết):	271	DVC	271
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	100	%	
+	Số TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 4 (khai báo và nhận kết quả trên mạng):	218	DVC	
•	Tỷ lệ % so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	80,4428044	%	
-	Số xã có trang thông tin điện tử	17	Đơn vị	17/17 phường có trang TTĐT (địa chỉ có dạng: http://tenphuong.hadong.hanoi.gov.vn)

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
6.1.7	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND quận, huyện, thị xã</i>			
-	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	0	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 3 có phát sinh hồ sơ		DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 4 có phát sinh hồ sơ		DVC	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3		Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	0	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Đang giải quyết	0	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 4		Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	0	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Đang giải quyết	0	Hồ sơ	
6.1.8	<i>Cung cấp dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) của UBND quận, huyện, thị xã</i>			
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI		DVC	
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ (tiếp nhận, đang giải quyết và trả kết quả)	0	DVC	
+	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Hồ sơ	
+	Số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0	Hồ sơ	
•	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
•	Quá hạn		Hồ sơ	
+	Đang giải quyết		Hồ sơ	
6.1.9	<i>Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			
-	Số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	0	DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 3 có phát sinh hồ sơ		DVC	
+	Dịch vụ công mức độ 4 có phát sinh hồ sơ		DVC	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 3		Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	0	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
+	Quá hạn	0	Hồ sơ	
+	Đang giải quyết	0	Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ công mức độ 4		Hồ sơ	
-	Số hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	0	Hồ sơ	
+	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
+	Quá hạn		Hồ sơ	
+	Đang giải quyết		Hồ sơ	
6.1.10	<i>Cung cấp dịch vụ công qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI) của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI		DVC	
-	Số dịch vụ công thực hiện qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ (tiếp nhận, đang giải quyết và trả kết quả)	0	DVC	
+	Số hồ sơ TTHC tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Hồ sơ	
+	Số hồ sơ TTHC trả kết quả qua dịch vụ BCCI	0	Hồ sơ	
•	Đúng hạn, trước hạn		Hồ sơ	
•	Quá hạn		Hồ sơ	
+	Đang giải quyết		Hồ sơ	
6.2.	<i>Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND quận, huyện, thị xã</i>			
6.2.1	<i>Xây dựng và ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 trong các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện</i>			
-	Ban hành văn bản triển khai	Có	Văn bản	KH số 39/KH-UBND ngày 22/01/2021 của UBND quận
+	Số nhiệm vụ hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện	1	Nhiệm vụ/đơn vị	Duy trì, cải tiến hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008
+	Số nhiệm vụ hoặc đơn vị đã hoàn thành	1	Nhiệm vụ/đơn vị	Thường xuyên duy trì, cải tiến hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO 9001:2008
+	Tỷ lệ % hoàn thành	100	%	

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại cơ quan UBND quận, huyện, thị xã	Có	Đã công bố hoặc chưa công bố	Quyết định số 4696/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 của UBND quận
-	Thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLC ISO 9001 vào hoạt động quản lý tại cơ quan UBND quận, huyện, thị xã theo quy định	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
-	Áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	Có	Đầy đủ hoặc chưa đầy đủ	
6.2.2.	<i>Áp dụng ISO trong hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn</i>			
-	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) ISO 9001 trong hoạt động quản lý của UBND các xã, phường, thị trấn			
+	Số xã đã tự công bố HTQLCL ISO 9001 vào trong hoạt động	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa tự công bố HTQLCL ISO 9001 vào trong hoạt động	0	Đơn vị	<i>Nêu tên đơn vị chưa công bố và lý do</i>
+	Tỷ lệ % số xã đã tự công bố so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
-	Thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLC ISO 9001 trong hoạt động quản lý của UBND các xã, phường, thị trấn			
+	Số xã thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLCL ISO 9001 trong hoạt động	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa thực hiện việc duy trì, cải tiến HTQLCL ISO 9001 trong hoạt động	0	Đơn vị	<i>Nêu tên đơn vị chưa thực hiện duy trì và lý do</i>
+	Tỷ lệ % số xã thực hiện việc duy trì so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
-	Áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động			
+	Số xã áp dụng HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	17	Đơn vị	
+	Số xã chưa áp dụng hoặc áp dụng không đầy đủ HTQLCL ISO 9001 trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO trong hoạt động	0	Đơn vị	<i>Nêu tên đơn vị chưa thực hiện duy trì và lý do</i>

TT	Nội dung báo cáo của đơn vị	Số lượng	Đơn vị tính	Giải trình/tên văn bản, số ký hiệu, ngày tháng năm ban hành văn bản/tài liệu đính kèm
1	2	3	4	5
+	Tỷ lệ % số xã thực hiện việc duy trì so với tổng số đơn vị hành chính cấp xã	100	%	
7	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Thành phố giao			
-	Số nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc số đơn vị được giao triển khai thực hiện trong kế hoạch:	19	Nhiệm vụ/đơn vị/chỉ tiêu	
-	Số nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc đơn vị đã hoàn thành theo kế hoạch (<i>ước tính</i>):	19	Nhiệm vụ/đơn vị/chỉ tiêu	
-	Tỷ lệ hoàn thành so với Kế hoạch	100	%	Liệt kê các nhiệm vụ chưa hoàn thành

PHỤ LỤC 2

CÁC NHIỆM VỤ CCHC ĐÃ HOÀN THÀNH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(kèm theo Báo cáo số 431/BC-UBND ngày 15/9/2021 của UBND quận Hà Đông)

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Đã hoàn thành	Ghi chú
I	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC				
1	Xây dựng Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC	Phòng Nội vụ	Tháng 01/2021	x	- KH 62/KH-UBND ngày 02/2/2021 về kiểm tra công vụ - QĐ số 309/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 thành lập ĐKT
2	Xây dựng Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025	Phòng Nội vụ	Theo hướng dẫn của Thành phố	x	KH số 206/KH-UBND ngày 28/6/2021
3	Xây dựng Kế hoạch thông tin và tuyên truyền về CCHC giai đoạn 2021-2025	Phòng Văn hóa - Thông tin	Theo hướng dẫn của Thành phố	x	KH số 198/KH-UBND ngày 23/6/2021
4	Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá CCHC các phòng chuyên môn, UBND các phường giai đoạn 2021-2025	Phòng Nội vụ	Theo hướng dẫn của Thành phố		Thành phố chưa ban hành bộ khung mới cho giai đoạn 2021-2025
5	Xây dựng Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2021 đối với các phòng chuyên môn, UBND các phường	Phòng Nội vụ	Ngay sau khi Bộ tiêu chí được phê duyệt		Thành phố chưa ban hành bộ khung mới cho giai đoạn 2021-2025
6	Xây dựng Kế hoạch triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính của các cơ quan quận (SIPAS)	Phòng Nội vụ	Quý I/2021	x	Dự kiến xây dựng trong tháng 9/2021; triển khai thực hiện xong trước tháng 12/2021
7	Xây dựng Kế hoạch triển khai, đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC cấp quận và phối hợp đo lường chỉ số SIPAS đối với quận	Phòng Nội vụ	Theo hướng dẫn của Thành phố		Thành phố chưa triển khai
8	Tổ chức tập huấn đối với đội ngũ cán bộ, công chức, làm công tác CCHC của các phòng chuyên môn, UBND các phường	Phòng Nội vụ	Quý III/2021		Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chưa tổ chức
II	Cải cách thể chế				
1	Xây dựng Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của quận năm 2021	Phòng Tư pháp	Quý I/2021	x	KH số 15/KH-UBND ngày 11/01/2021 về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL

gfr

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Đã hoàn thành	Ghi chú
2	Xây dựng Kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của quận năm 2021	Phòng Tư pháp	Quý I/2021	x	KH số 15/KH-UBND ngày 11/01/2021 về kiểm tra, rà soát văn bản QPPL
3	Triển khai việc thực hiện Quy định ủy quyền cho công tác Tư pháp – Hộ tịch thực hiện chứng thực chữ ký, chứng thực bản sao	Phòng Tư pháp	Ngay sau khi Thành phố có Kế hoạch triển khai	x	
III	Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế Một cửa, một cửa liên thông				
1	Xây dựng Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC; Kế hoạch kiểm tra kiểm soát TTHC của quận	Văn phòng HĐND-UBND quận	Tháng 1/2021	x	- KH số 36/KH-UBND ngày 21/01/2021 về kiểm soát TTHC - KH số 59/KH-UBND ngày 30/01/2021 về rà soát, phối hợp đánh giá TTHC - KH số 60/KH-UBND ngày 30/01/2021 về kiểm tra kiểm soát TTHC
2	Xây dựng Kế hoạch thông tin tuyên truyền về kiểm soát TTHC và cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Văn phòng HĐND-UBND quận	Quý I/2021	x	KH số 55/KH-UBND ngày 29/01/2021 thông tin tuyên truyền về kiểm soát TTHC
3	Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm soát, tổng hợp và công bố công khai hàng tháng kết quả giải quyết TTHC, kết quả tiếp nhận, xử lý và trả lời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp	Văn phòng HĐND-UBND quận	Ngay sau khi có Văn bản hướng dẫn của Thành phố		Chưa có hướng dẫn của Văn phòng Thành phố
4	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng công tác kiểm soát TTHC; việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông việc tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC	Văn phòng HĐND-UBND quận	Quý II/2021		Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chưa tổ chức
5	Tổ chức Hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về TTHC và giải quyết TTHC	Văn phòng HĐND-UBND quận	- Lần 1: quý II/2021		Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chưa tổ chức

afv

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Đã hoàn thành	Ghi chú
6	Triển khai thực hiện Quy chế phối hợp liên thông thực hiện liên thông các TTHC trong các lĩnh vực: Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên - Môi trường, Lao động - TBXH	Văn phòng HĐND-UBND quận			Chưa có hướng dẫn của các Sở chuyên ngành
IV	Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy cán bộ công chức phường thực hiện mô hình chính quyền đô thị	Phòng Nội vụ	Ngay sau khi Thành phố có văn bản chỉ đạo	x	
2	Triển khai thực hiện quy định về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn quận giai đoạn 2021-2025	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Sau khi Thành phố có Quyết định ban hành Quy định	x	CV số 398/UBND-TCKH ngày 18/02/2021
V	Cải cách chế độ công vụ				
1	Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp và công khai hàng tháng kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Thành phố giao	Văn phòng HĐND&UBND quận	Hàng tháng (Theo hướng dẫn của Văn phòng UBND Thành phố)	x	
2	Thực hiện đánh giá chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quận.	Phòng Nội vụ	Hàng tháng	x	Thực hiện hàng tháng
3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức quận giai đoạn 2021-2025	Phòng Nội vụ	Theo hướng dẫn của Thành phố	x	Báo cáo số 432/BC-UBND ngày 03/10/2020
VI	Cải cách tài chính công				
1	Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Theo yêu cầu của Sở Tài chính Thành phố	x	
2	Thực hiện nghiêm túc các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Theo yêu cầu của Sở Tài chính Thành phố	x	
3	Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng hiệu quả tài sản công, kinh phí từ ngân sách nhà nước	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Định kỳ hàng quý	x	
4	Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định tại Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 trong công khai, minh bạch về tài chính, quyết toán và dự toán ngân sách ở cấp phường	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Định kỳ hàng quý		Do tình hình dịch bệnh phức tạp nên chưa kiểm tra được

afn

STT	Nội dung thực hiện	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Thời gian hoàn thành	Đã hoàn thành	Ghi chú
VII	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Xây dựng Kế hoạch công nghệ thông tin quận năm 2021	Văn phòng HĐND&UBND quận	Quý 1/2021	x	KH số 181/KH-UBND ngày 07/6/2021
2	Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính của quận giai đoạn 2021-2025	Văn phòng HĐND&UBND quận	Sau khi Thành phố ban hành Kế hoạch		Chưa có KH của Thành phố
3	Triển khai tích hợp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 với Cổng dịch vụ công quốc gia	Văn phòng HĐND&UBND quận	Theo chỉ đạo của Thành phố	x	KH số 175/KH-UBND ngày 28/5/2021
4	Xây dựng Kế hoạch triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện cơ chế, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC của quận	Văn phòng HĐND&UBND quận	Quý 11/2020	x	KH số 181/KH-UBND ngày 07/6/2021
5	Triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng HĐND&UBND quận	Theo chỉ đạo của Thành phố	x	Công văn số 1383/UBND-VP ngày 17/5/2021

afh

PHỤ LỤC 3
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CẢI THIỆN CHỈ SỐ SIPAS
HOÀN THÀNH TRONG QUÝ 3/2021

(Kèm theo Báo cáo số **431** /BC-UBND ngày **15**/9/2021 của UBND quận Hà Đông)

STT	Nhiệm vụ	Yêu cầu	Thời gian thực hiện	Kết quả thực hiện
1	Tiếp tục rà soát trang thiết bị, cải tạo không gian giao tiếp giữa khách hành với công chức tại bộ phận Một cửa theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch	Tháng 8/2021	Bộ phận Một cửa UBND quận Hà Đông và 17 phường trực thuộc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cơ bản, hiện đại, diện tích đảm bảo quy định. Quầy giao dịch được chia ô theo các lĩnh vực cụ thể, khu vực ngồi chờ rộng rãi, có sử dụng hệ thống điều hòa, quạt máy, nước uống,... tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch
2	Trang bị thêm ghế ngồi, bàn viết hồ sơ, máy tính có kết nối mạng internet phục vụ cho khách hàng khi đến giao dịch, giải quyết công việc	Tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức đến giao dịch	Tháng 8/2021	Tại khu vực ngồi chờ của Bộ phận Một cửa UBND quận Hà Đông và 17 phường trực thuộc được trang bị đầy đủ ghế ngồi, bàn viết hồ sơ, máy tính có kết nối mạng để phục vụ cho người dân, tổ chức đến giao dịch
3	Rà soát, khắc phục ngay tồn tại, hạn chế trong hệ thống tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cán nhân, tổ chức về quy định hành chính tại bộ phận Một cửa và trên các kênh thông tin đại chúng theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC		Tháng 8/2021	UBND quận Hà Đông tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc công khai số điện thoại đường dây nóng trên Cổng Thông tin điện tử quận và niêm yết tại bộ phận một cửa. Bên cạnh việc công khai số điện thoại đường dây nóng, UBND quận Hà Đông tiếp nhận thông tin và phản ánh, kiến nghị qua hộp thư góp ý đặt tại Bộ phận Một cửa và Ban Tiếp công dân quận. Đồng thời tiếp nhận qua chuyên mục Bạn đọc hỏi - cơ quan chức năng trả lời trên Cổng thông tin điện tử quận.
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức tại bộ phận Một cửa của đơn vị		Tháng 9/2021	Do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài và do thực hiện nghiêm các chỉ đạo của UBND Thành phố về giãn cách xã hội nên UBND quận sẽ tổ chức hội nghị đối thoại vào thời gian thích hợp.

Ch